

PHẬT THUYẾT THẬP THIÊN NGHIỆP ĐẠO KINH GIẢNG GIẢI

Chủ giảng: HT Tịnh Không
Chuyển ngữ: Thích Nữ Huệ Hạnh
Giọng đọc: NSUT Phú Thăng

Bài số 2

Trong bài giọng nam là lời giảng của HT, giọng nữ là những chú giải thêm

CHÁNH THÍCH KINH VĂN

Kinh văn (1) “**Như thị ngã văn, nhất thời Phật tại Ta-Kiệt-La Long Cung, dữ bát thiên đại Tỳ kheo chúng; Tam vạn nhị thiên Bồ Tát Ma Ha Tát câu**”¹.

Từ đoạn Kinh văn này chúng ta thấy được Kinh này với các Kinh khác không giống nhau. Ví dụ “Kinh A Di Đà” là Kinh Đức Phật giảng tại Vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc, tức là giảng tại nhân gian, còn bộ Kinh này được giảng tại Long Cung.

Sau khi Đức Phật nhập Niết Bàn, Đức Phật đã dặn dò Ngài A Nan là tất cả Kinh điển mở đầu phải lấy chữ...“**Như thị ngã văn**”, trong đó, “**Như thị**” chỉ bộ Kinh này, “**Ngã**” là Ngài A Nan tự xưng; “**Văn**” là đích thân nghe, không phải là truyền thuyết, do Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đích thân giảng.

¹*Nghĩa là: Chính tôi được nghe: Một thời kia đức Phật ở chốn Long Cung Sa Kiết La, cùng với tám nghìn chúng Đại Tỳ kheo và ba vạn hai nghìn vị Đại Bồ tát.*

“**Như thị ngã văn**” nghĩa là Bộ Kinh này là do ngài A Nan đích thân nghe Đức Phật giảng. Đây là nghĩa hẹp của cụm từ “Như thị ngã văn”. Còn nếu bàn đến nghĩa sâu rộng thì trong Đại Trí Độ Luận có đến 4 quyển giải thích bốn chữ này. Vậy mới thấy mỗi câu chữ trong Kinh Phật có ý nghĩa bao hàm vô lượng dường nào.

“**Như**” là nói chân như, tự tánh, chỉ có chân như tự tánh mới là “Thị”, hay nói cách khác, ngoài chân như tự tánh ra đều là “Phi” (tức không phải “Thị”). Đây cũng là “Chân” và “Vọng” mà trong Phật pháp có giảng đến.

Tại sao nói ngoài chân tánh đều là “Phi”? Ngoài chân tánh đều là huyền tượng? Trong Kinh Kim Cang dạy rằng **“Tất cả pháp hữu vi đều như mộng huyễn, bọt bóng”**. Vậy tất cả hữu vi pháp là thật có hay không? Có. Tuy là có nhưng nó không thật, cái “chân như” “năng biến” là “chân” (thật), các hiện tượng “sở biến” đều là cái hư huyễn, không chân thật. Không những hư huyễn, không có thật mà còn không thực tồn tại. Cho nên phần sau cùng Kinh Kim Cang lại dạy: **“Như sương mà cũng như ánh chớp, phải nên quán chiếu như thế”** thì sẽ thấy được chân tướng của hiện tượng vũ trụ.

Kẻ phàm phu thường bị cảnh giới hư huyễn này che mắt, bởi cảnh giới hư huyễn này cũng như hình ảnh chúng ta thấy khi xem phim vậy. Chúng ta cho rằng những hình ảnh trên phim là có thật nhưng kỳ thật lại là giả. Nói hình ảnh trong phim là giả thì mỗi người chúng ta đều có thể hiểu được; nhưng nói tất cả cảnh giới thực tại này là giả thì rất nhiều người không có cách nào lĩnh hội được, vì đều cho rằng thực tại này là có thật. Kỳ thật, tất cả các hiện tượng sát na biến đổi không ngừng, sanh diệt từng sát na, cho nên nó không phải sự tồn tại thật sự. Cái tồn tại thật sự đó là “pháp tánh” “năng biến”. Pháp tánh cũng gọi là “chân như”.

Đức Thế Tôn nói tất cả pháp đều từ trong tự tánh mà ra cho nên gọi là “Như thị”, tuyệt đối không phải do tâm, ý, thức sinh ra. Những ý nghĩ, tư tưởng, quan niệm mà người bình thường hay nói đến trong

Phật pháp gọi là “tâm”, “ý” và “thức”. “Tâm” là A Lại Da, “Ý” là Mạt Na, “Thức” chính là ý thức, (chính là như chúng ta thường gọi là thức thứ sáu). Chúng sanh ở trong mười pháp giới thì tư tưởng, tri kiến của họ không là tâm, ý, thức. Nếu có thể là tâm, ý, thức thì thoát khỏi “Mười pháp giới”, vào “Nhất chân pháp giới”. Vào được Nhất chân pháp giới, trong Kinh Hoa Nghiêm gọi là Pháp Thân Đại sĩ. Đây là cứu cánh giải thoát, đích thật đạt đại viên mãn, như trong Thiền tông gọi là “*Phụ mẫu vị sanh tiền bốn lai diện mục*” (Nghĩa là: mặt mũi trước khi cha mẹ sinh ra), cũng chính là thật sự trở về tự tánh. Trở về tự tánh chính là tìm được chính mình, chân tâm tự tánh của mình biến hiện ra hư không pháp giới, mười pháp giới y chánh trang nghiêm có thể nắm bắt được. Mười pháp giới y chánh trang nghiêm đều là cảnh giới thọ dụng của chính mình, lúc này thì được xưng gọi Phật, Bồ tát. Trước khi chưa quay về tự tánh, chúng ta sống trong cảnh giới hư huyền của tự tánh biến hiện ra. Đời sống không tự do, do bị cảnh giới xoay vần, trong cảnh giới này không làm chủ được, đều do nghiệp lực làm chủ. Sau khi minh tâm kiến tánh thì tự mình làm chủ chứ không phải do nghiệp lực làm chủ nữa.

Trong Phật pháp giảng về “*Thường, Lạc, Ngã, Tịnh*”, đây là bốn “tịnh đức”. Bốn tịnh đức này hoàn toàn là có thật, chắc chắn không phải là giả, nhưng nếu chúng ta chưa có được “kiến tánh” thì đó chỉ là hữu danh vô thực.

“*Thường*” nghĩa là vĩnh hằng bất biến. Trong đời sống hiện thực của chúng ta, hễ là động vật thì có “Sanh, lão, bệnh, tử”; hễ là thực vật thì có “Sanh, trụ, di, diệt”; hễ là khoáng vật thì có “Thành, trụ, hoại, không”. Tất cả không có gì là “Thường” cả;

Ngay cả “*Lạc*” cũng không có! Cái “*Lạc*” trong hiện tại của chúng ta chẳng qua chỉ là cái khổ tạm dừng mà thôi. Ví dụ, mỗi ngày chúng ta ăn ba bữa cơm, nếu có một bữa không ăn thì sẽ đói, cảm giác rất khổ sở, ăn no rồi, cái khổ của đói tạm ngưng lại, thế nên lại có cảm

giác vui lại; Khi không ăn thì khổ lập tức hiện tiền. Vì thế phàm phu trong sáu cõi chỉ có khổ không có vui.

“Ngã” nghĩa là tự mình có thể làm chủ được. Nhưng phàm phu thì không thể làm chủ được, thường bị cảnh giới quấy nhiễu. Chưa có kiến tánh chắc **chắc** chưa có “Ngã”.

“Tịnh” là thân tâm thanh tịnh. Trong tâm chúng ta vì có “Thị - Phi, Nhân - Ngã”, có “Tham - Sân - Si - Mạn” nên thân không trong sạch, như thể một ngày không tắm rửa mùi hôi thối xông lên vậy.

Cho nên “Thường, Lạc, Ngã, Tịnh” không chỉ phàm phu trong “lục đạo” (tức là sáu cõi) không có, mà “tứ thánh” pháp giới của “Thập pháp giới” cũng không có, chỉ vào “Nhất chân pháp giới” mới có. Trong Kinh Vô Lượng Thọ giảng rằng: người và tất cả vạn vật ở thế giới Tây Phương Cực Lạc thường trụ bất biến, cho nên họ có đầy đủ “*Thường, Lạc, Ngã, Tịnh*”.

Toàn bộ Kinh giáo của Chư Phật Như Lai vì tất cả chúng sanh trong thập pháp giới mà giảng cũng không ngoài hai chữ “Như thị”. “Như” là chân tướng của sự vật, những điều Đức Phật đã nói là hoàn toàn tương ứng với chân tướng sự thật, Đức Phật không thêm cũng không bớt đi chút nào. Nghĩa của từ “Như thị” nghĩa này khá sâu, cho nên đức Phật không có ý của mình, không có sáng tạo của riêng mình. Những điều Đức Phật nói hoàn toàn là có sao nói vậy, vì chúng sanh mà mang đạo lý, sự tướng, nhân quả (tức là sự chuyển biến và tương tục của nhân quả) của vũ trụ nhân sanh ra giảng dạy thôi.

Từ đó cho thấy, tất cả điều chư Phật Như Lai dạy, mỗi câu đều chính là tình cảnh cuộc sống thực tại của chúng ta, có như vậy mới hiểu được Phật pháp có mối liên hệ vô cùng mật thiết với chúng ta. Học Phật pháp chính là phải thấu hiểu bản thân, nhận biết được hoàn cảnh sống thật sự của bản thân. Giáo dục của Phật pháp là giáo dục chân thật cứu cánh viên mãn bậc nhất của thế gian, chúng ta không thể không biết, không thể không học tập, chỉ có thông qua học tập này

mới có thể thật sự nhận thức được chính mình, hiểu rõ chân tướng hoàn cảnh sinh sống của chính mình.

Khế nhập vào cảnh giới này thì gọi là “Bồ Tát”, còn nếu đạt đến cứu cánh viên mãn thì gọi là “Phật Đà”. Thành quả tu học Phật pháp ở giai đoạn thứ nhất gọi là “A La Hán”, giai đoạn thứ hai gọi là “Bồ Tát”. Giai đoạn cao nhất gọi là “Phật Đà”. Cho nên Phật, Bồ Tát, A La Hán không phải là thần tiên mà là đại diện cho tên gọi học vị của giai đoạn tu học trong giáo dục của Phật.

“*Như thị ngã văn*” là bộ Kinh do Tôn giả A Nan vì chúng ta mà giảng lại. Những lời trong Kinh là do Ngài đích thân nghe Đức Phật dạy, và đó cũng không phải ý của chính Đức Phật mà là chân tướng thật sự của nhân sanh vũ trụ. Bốn chữ này khi được thốt ra khiến chúng ta phải sinh khởi tâm cung kính, tâm tôn kính và tâm tín ngưỡng. “Như thị” gọi là “Tín thành tựu”, còn “Ngã văn” là “Văn thành tựu”.

“Nhất thời”: Là thời gian, ý chỉ thời gian Đức Phật giảng Kinh. Thời gian không dùng ngày, tháng, năm mà dùng “Nhất thời” là có thâm ý sâu xa.

Như lời Đức Phật dạy chúng ta, thời gian và không gian đều là khái niệm trừu tượng, không xác thật; cho nên, ý nghĩa của “Nhất thời” không chỉ có thâm ý sâu xa mà còn rất xác thực, so với chúng ta ghi chép giờ, ngày, tháng, năm còn chính xác hơn.

Về chữ **“Nhất”**, cổ đức (tức là người xưa) có nhiều cách giảng. Nói theo cách thông thường nghĩa là chỉ có thể nghe hiểu được bộ kinh này khi cơ duyên đã chín muồi. Thời khắc đó được gọi là “Nhất thời”. Nếu cơ duyên chưa đến lúc chín muồi đâu có giảng cũng thành

vô ích. Cho nên nói “*Sư tư đạo hợp*”² chính là “Nhất thời” vậy. Đây là đối với cảnh giới hiện tiền của chúng ta mà nói. Về mặt lý mà nói, cái gọi là “*Thức đắc nhất, vạn sự tất*”³, trong Thiền tông cũng được gọi là “*Vạn pháp quy nhất*”⁴. Chữ “Nhất” này tương ứng với “Tự tánh”, ý nghĩa này rất sâu xa.

Trong Tịnh Độ tông nói là “Nhất tâm bất loạn”. Cái biểu hiện của cảnh giới Nhất tâm bất loạn chính là “Nhất chân pháp giới”. Tâm loạn rồi thì Nhất chân pháp giới sẽ biến thành thập pháp giới, Vô lượng vô biên pháp giới. Vì thế, nếu tâm thật sự quy về một mối, nhất niệm bất sanh (nghĩa là “**một niệm không sanh**”), nhất tâm bất loạn, thì hết thấy Kinh văn mà tất cả Chư Phật Như Lai đã giảng đều viên mãn hiện tiền. Đây mới thực sự là “Nhất thời”, Pháp Thân Đại sĩ mới có thể chứng đắc.

Trong truyện sử Trung Quốc có ghi lại, Trí Giả Đại Sư tụng đọc Kinh Pháp Hoa, tụng đến phẩm “*Dược Vương Bồ Tát Bốn Sự*” thì Ngài bỗng nhiên nhập định. Ở trong định Ngài nhìn thấy Phật Thích Ca Mâu Ni đang giảng Kinh Pháp Hoa ở núi Linh Thứu. Sau khi xuất định, Ngài nói với mọi người rằng:

- Đức Phật Thích Ca giảng Kinh Pháp Hoa, giảng hội này vẫn chưa tan.

Điều này có phải là thật không? Đúng thật là vậy. Trong Kinh Pháp Hoa có nói rằng: “***Thị Pháp trụ pháp vị, thế gian tướng thường***”

² “*Sư tư đạo hợp*”: Nghĩa là: thầy trò hợp đạo; “*Sư*” là thầy, “*tư*” là đệ tử. Thầy muốn giảng kinh, trò cũng muốn nghe kinh, đạo ấy tương hợp thì gọi là “*sư tư đạo hợp*”.

³ Nghĩa là: Vào được cảnh giới “nhất” rồi, thì bất cứ việc gì cũng xong.

⁴ Nghĩa là: Muôn pháp quy về một

*trụ*⁵ (nghĩa là: Pháp nào an trụ địa vị pháp ấy. Thế gian tướng là thường trụ).

Hiện nay nhà khoa học cũng cho rằng: Nếu chúng ta có năng lực vượt qua tốc độ ánh sáng thì có thể trở về quá khứ, có thể tham gia pháp hội mà Đức Phật Thích Ca Mâu Ni giảng Kinh của ba ngàn năm trước. Điều này minh chứng rõ ràng thời gian, không gian không phải là thật. Nếu như cơ duyên chín muồi, lại đạt được định lực như Trí Giả Đại Sư thì hẳn có thể quay về quá khứ, cũng có thể khế nhập vị lai.

Trên thế gian có hai loại nhà tiên tri lớn, một loại là dựa vào lý số mà đưa ra dự đoán, những dự đoán này phần nhiều là ước lượng, không chính xác lắm; loại còn lại là định công, cảnh giới trong định là cảnh giới hiện lượng do tự thân nhìn thấy, cảnh giới hiện lượng được gọi là “Nhất thời”. Nếu như ghi chép lại ngày, tháng, năm nào đó thì chúng ta vĩnh viễn không có cơ hội tham dự pháp hội của tất cả Như Lai. Nhưng nếu vận dụng được “Nhất thời”, chỉ cần công phu của chúng ta đạt đến nhất tâm bất loạn thì có năng lực tham dự pháp hội. Tâm của Đức Phật là nhất tâm, tâm của chúng ta cũng là nhất tâm, nhất tâm cùng nhất tâm giao cảm thì sẽ đạt được cảnh giới liên hiện tiền. Vì vậy hai chữ “Nhất thời” là “sống động” chứ không phải là “cố định”.

⁵ Nếu nói “Thế gian tướng là thường trụ” thì thế gian tướng là tướng sanh diệt, làm sao thường trụ được? Nhưng vì có câu ‘Thị pháp trụ pháp vị’, là: Pháp nào an trụ địa vị pháp ấy’. Ví như cái tách thì trụ nơi ngôi pháp tách, khi nào cái tách đập bể rồi thì pháp vị “tách” mất, trụ ngôi pháp vị miếng, hiện tiền trụ ngôi pháp vị miếng, nếu đem miếng đốt thành tro thì trụ ngôi pháp vị tro, một làn gió thổi tro bay mất, từ pháp vị tro đổi thành pháp vị không, trụ nơi pháp vị “không”.

“Thế gian tướng thường trụ” nơi pháp vị hiện tiền ấy: Pháp vị “sanh” hiện tiền trụ ngôi pháp vị sanh, Pháp vị “diệt” hiện tiền trụ ngôi pháp vị diệt, nên nói ‘Thế gian tướng thường trụ’, là cái dụng của Tự tánh vậy. Câu “Thị pháp trụ pháp vị, thế gian tướng thường trụ” có thể nói là hai câu cao nhất trong Kinh Pháp Hoa. (HT Thích Duy Lực)

“Phật tại”:

“**Phật**” là chỉ người chủ giảng tức là Đức Phật Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni. “Phật tại” chứ không phải “Phật trụ”, ý nghĩa của “Tại” và “trụ” không giống nhau. “Tại” là tùy duyên, “Trụ” là phan duyên vì vốn “Phật vô sở trụ”. Như trong Kinh Kim Cang có nói “***Ung vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm***”⁶, vậy thực tế Đức Phật trụ nơi nào? Tận hư không khắp pháp giới không nơi nào không là trụ xứ của Đức Phật.

Còn trong quan niệm của phàm phu “Tôi có căn nhà nhỏ thì đây chính là trụ xứ của tôi”. “Trụ” này chấp trước của kiên cố, cảnh giới này rất nhỏ, tâm lượng cũng nhỏ, do mê lạc mà mất đi tự tánh. Cho nên, “Trụ” này chính là vọng tưởng, là phân biệt, là chấp trước.

⁶ “*Ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*”. Câu này có nghĩa là: “Chỉ khi tâm trụ vào chỗ vô trụ thì chân tâm mới hiển lộ”. Trụ vào chỗ vô trụ (tức là không trụ vào cái gì hết) mới thực sự là chỗ trụ vững chắc nhất của tâm an định.

Tâm ta bình thường luôn bị vướng mắc vào sáu trần, đó là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp (có nghĩa là: hình tướng, âm thanh, mùi hương, mùi vị, xúc chạm, sự vật). Ta thấy vui khi được thỏa mãn các ái dục từ sáu trần mang lại, rồi ta lại đau khổ khi chúng biến mất đi. Chúng ta tu hành là để an định tâm, diệt trừ vọng tưởng để tâm thanh tịnh và không còn chạy theo sáu căn (là nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt, thân, ý) nữa, không chạy theo sáu trần (là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp), hay sáu thức (là nhãn thức, nhĩ thức, tỉ thức, thiệt thức, thân thức, và ý thức).

Tu tập thiền quán cũng là trụ tâm vào hơi thở, thực hành chánh niệm trong từng hành động cũng là để ngăn trừ tạp niệm sinh diệt liên tục trong tâm.

Nhưng ngày nào mà ta còn trụ tâm vào một pháp nào đó để an định tâm (cho dù pháp đó rất vi tế), thì ngày đó tâm vẫn chưa được giải thoát hoàn toàn và chân tâm vẫn không thể hiển lộ.

“**Tại**” tức là chẳng nơi nào mà không có, nơi nào có duyên thì ở nơi đó hiện thân. Chư Phật Như Lai là như vậy! Chúng ta tuy chưa đạt được tự tại như thế, nhưng cũng có thể tạo được tự tại tương tự. Nơi nào có duyên chúng ta sẽ đến nơi đó để giảng kinh hoằng pháp, chứ không nhất thiết là một trụ xứ nhất định nào. Chắp trước vào một trụ xứ cố định thì đã đổi ngược hoàn toàn với “**Vô trụ sanh tâm**” vì “Vô trụ sanh tâm” là giác mà giác thì đổi ngược với mê.

“**Ta Kiết La**”: Là tiếng Phạn, nghĩa là nước biển mặn, nước trong biển đều có vị mặn. Biển mặn mà Đức Phật nói đó có thể chỉ Ấn Độ Dương. Đây là cách nói hình dung thế gian là biển khổ.

“**Long Cung**”: Đây là đạo tràng của Ngài Đại Long Bồ Tát, vị Bồ tát này cũng là pháp thân đại sĩ. Vùng không gian của Ngài không giống với chúng ta. Lấy màn ảnh truyền hình làm ví dụ, tần số không gian mà nó phát ra với tần số không gian đương hiện của chúng ta là khác nhau; hoặc như tuy là cùng một màn ảnh nhưng có nhiều kênh khác nhau do nhiều tần số khác nhau. Cho nên Đại Long Bồ Tát là có thật, không phải là không có, chỉ cần chúng ta chuyển “kênh” đúng “tần số” liền thấy được ngay.

Ngày nay khoa học phát triển, đầu tàu ngầm hết sức tinh vi, có thể xuống đến tận đáy biển nhưng vẫn chưa phát hiện ra Long Cung, lý do cũng là vì tần số không gian không tương đồng. Vùng không gian của Bồ tát, của quỷ thần đều không cùng tần số với vùng không gian của chúng ta.

Trong sử truyện có ghi lại rằng: Pháp Chiếu Thiên sư đời Đường nhìn thấy Văn Thù Bồ Tát hóa hiện tại chùa Đại Thánh Trúc Lâm ở Ngũ Đài Sơn và tận mắt thấy Văn Thù Bồ Tát đang giảng kinh. Điều Ngài nói không phải vọng ngữ. Vì vốn là Ngài có được nhân duyên đặc thù mà ngày nay người đời nói là ‘đi vào cánh cửa thời gian’. Ngài có thể bước vào một vùng không gian với tần số khác, nhìn thấy được chùa Đại Thánh Trúc Lâm. Ngài còn nghe được một

hội và còn thỉnh giáo nhiều câu hỏi với Văn Thù Bồ Tát. Trong đó, Ngài có hỏi rằng:

- Căn tánh của chúng sanh trong thời kỳ mạt pháp dần dần chậm lụt. Vậy nên tu pháp môn nào là tương đối thích hợp?

Văn Thù Bồ Tát dạy ngài tu pháp môn niệm Phật. Ngài thỉnh giáo Văn Thù Bồ Tát niệm vị Phật nào. Văn Thù Bồ Tát dạy Ngài niệm “A Di Đà Phật” và còn niệm vài câu cho Ngài nghe_ cũng chính là “Ngũ hội niệm Phật”⁷ đã truyền về sau này.

Pháp Chiếu Thiền sư sau khi rời khỏi chùa Trúc Lâm, Ngài làm dấu lại trên đường, hy vọng lần sau lại đến nữa; nhưng đang lúc làm dấu, quay đầu nhìn lại thì đã không thấy chùa Đại Thánh Trúc Lâm đâu nữa, chỉ nhìn thấy một vùng núi hoang. Lúc này Ngài mới biết là Bồ Tát thị hiện. Rời khỏi chùa Đại Thánh Trúc Lâm, Ngài lại quay về “tàn số” thời gian, không gian của chúng ta, còn “tàn số” trước đó thì không thấy nữa. Đây là một ví dụ rất hay về khác “tàn số”.

Trong Kinh Từ Bi Tam Muội Thủy Sám cũng có câu chuyện về Quốc sư Ngô Đạt đời Đường gặp Tôn giả Ca Nặc Ca, cũng là một ví dụ rất hay về khác “tàn số”. Ngô Đạt quốc sư bị bệnh mụn ghẻ hình mặt người. Tôn giả Ca Nặc Ca dùng nước Từ bi tam muội rửa mụn ghẻ mặt người cho Quốc sư, giúp Quốc sư giải hết oan khiên, đây là đến Đạo tràng của A La Hán. Ngô Đạt Quốc sư sau khi rời khỏi, quay đầu nhìn lại, cung điện lầu các đều biến mất, chỉ còn lại vùng núi hoang.

⁷ “Ngũ hội niệm Phật” Nghĩa là: Năm hội niệm Phật, được phân biệt theo âm điệu cao thấp và nhịp phách nhanh chậm. Nghi thức niệm Phật này do ngài Pháp Chiếu mô phỏng theo sự diễn tả “Gió thổi cây bấu phát ra năm thứ âm thanh” mà lập ra, làm cho kẻ đạo, người đời ham thích cõi Tịnh độ. Năm hội niệm Phật này có tác dụng: trừ 5 khổ, dứt 5 cái, đoạn 5 đường, thanh tịnh 5 nhãn, đầy đủ 5 căn, thành tựu 5 lực, chứng Bồ-đề, đầy đủ 5 giải thoát, có thể mau chóng thành tựu 5 phần pháp thân...

Vài ví dụ trên đây đều nêu rõ có tần số không gian không giống nhau, vả lại không gian, thời gian đều là không thật. Kinh Kim Cang dạy rằng ***“Tất cả các pháp hữu vi, đều như mộng, huyễn, bọt bóng”*** vì vậy không nên “chấp trước”, cái hư huyễn này là tướng không thật, không những không nên “chấp trước” mà cả phân biệt cũng không nên. Chỉ cần có một chút phân biệt, chấp trước thì đã rơi vào phan duyên. Cho nên, Đức Phật dạy chúng ta rằng đối với tất cả các pháp thế, xuất thế gian đều không nên phân biệt, không nên chấp trước, không khởi tâm, không động niệm thì sẽ được đại tự tại ở trong hết thấy cảnh giới.

Mười pháp giới hoàn toàn là có thật, đó chính là cái mà các nhà khoa học ngày nay gọi là tần số không gian khác. Đối với sự tồn tại của một không gian với tần số khác chắc chắn không phải nghi ngại, hơn nữa mỗi một tần số không gian đều có chúng sanh.

Tâm Chư Phật, Bồ Tát bình đẳng, thanh tịnh, nơi nào hội đủ duyên các Ngài sẽ đến nơi đó giảng Kinh thuyết pháp, chẳng hạn bộ Kinh này được giảng ở Long Cung, không phải giảng ở không gian nhân gian của chúng ta.

Ví như những con số được ghi chép trong kinh: ***“Dữ bát thiên đại Tỳ kheo chúng; Tam vạn nhị thiên Bồ Tát Ma Ha Tát câu”*** (Nghĩa là: Cùng 8.000 chúng đại Tỳ kheo, 32.000 Bồ Tát Ma Ha Tát) đều là có ý nghĩa tượng trưng cho sự viên mãn. Phía trước Tỳ kheo thêm một chữ “Đại” ý chỉ không phải là những tỳ kheo tầm thường mà là Bồ Tát Đại thừa lấy thân phận Tỳ kheo thị hiện, thực chất toàn là Bồ Tát Ma Ha Tát, tổng cộng có 40 ngàn người. Phải nói rằng đây là pháp hội vô cùng thù thắng.

“Chúng” nghĩa là đoàn thể. “Tỳ kheo chúng” là chỉ đoàn thể Phật giáo. Trong “Tam quy y” thì *“Quy y tăng chúng trung tôn”*. Mỗi người trong tăng đoàn phải tuân thủ “Lục hòa kính”, là một đoàn thể Lục hòa kính. Vì vậy đoàn thể này là “thế xuất thế” đáng quý nhất, đáng được người tôn kính nhất trong các đoàn thể. Tỳ kheo còn được

như vậy hương chi là Bồ Tát. Cho nên đối với đoàn thể “Lục hòa kính”, chúng ta nhất định phải hiểu rõ, phải tôn trọng, phải học tập.

Hôm nay thời gian đã hết chúng ta giảng đến đây thôi.

Chúc bạn:

*Không làm các việc ác,
vâng làm các việc lành,
tự thanh tịnh tâm ý,
đó là lời Phật dạy*

Website: “www.duongdenhanhphuc.vn”

Kênh Youtube: “duongdenhanhphuc”

Hoan nghênh mọi hình thức ấn tống, sao chép, copy, công đức vô lượng!